

DỰ TOÁN THU- CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPT NVL ngày 15/6/2024)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	442.11
1.2	Mức thu: 77.000đ/hs/tháng	
1.3	Tổng số thu trong kỳ	369.00
1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	811.11
1.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	811.11
1.6	Số chi trong kỳ	811.11
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	324.11
	- Chi tăng cường CSVC	122.00
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	284.00
	- Chi khác	81.00
1.7	Số dư ngày 31/12/2024	-
1.8	Dự kiến mức thu : 77.000đ/hs/tháng	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề	
2.1	Dạy thêm học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	460.85
2.1.2	Mức thu: 10.000đ/tiết	
2.1.3	Tổng số thu trong kỳ	1,328.00
2.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	1,788.85
2.1.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	1,788.85
2.1.6	Số chi trong năm	1,788.85
	Trong đó: - Chi GV giảng dạy và chủ nhiệm	929.60
	- Chi khấu hao CSVC	
	- Chi công tác quản lí, chỉ đạo	199.20
	- Chi phúc lợi, chi khác	660.05
2.1.7	Số dư ngày 31/12/2024	0.00
2.2	Dạy Nghề	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	-
2.2.2	Mức thu:đ/ em / năm học	-
2.2.3	Tổng số thu trong năm	-



2.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	
2.5.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	
2.2.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi trả GV dạy, chủ nhiệm	
	- Chi khấu hao CSVC	
	- Chi chuyên môn	
2.2.7	Số dư ngày 30/6/2024	-
3	Lệ phí nghề	-
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.2	Mức thu:đ/ em / năm học	
3.3	Tổng số thu trong năm	
3.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	
3.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	
3.6	Số chi trong năm: chi chuyên môn	
3.7	Số dư cuối năm	
4	Quỹ khuyến học	-
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.2	Tổng tài trợ trong năm	
4.3	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	
4.4	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	
4.5	Số chi trong năm: chi thưởng	
4.6	Số dư cuối năm	
4	Dịch vụ: trông giữ xe đạp	
4.1	Số dư kỳ trước chuyển sang	162.29
4.2	Mức thu: 30.000đ; 50.000đ/hs/ tháng	
4.3	Tổng số thu trong năm	135.00
4.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	297.29
4.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	297.29
4.6	Số chi trong năm	297.29
	Trong đó: - Chi thanh toán cá nhân	84.32
	- Chi nộp thuế	13.50
	- Chi khấu hao CSVC	199.47
	- Chi khác	-
4.7	Số dư cuối năm	-
5	Thu hộ: BHYT	
5.1	Số học sinh	
	Mức thu: (Căn cứ văn bản hướng dẫn của BHXH huyện Tiên Lãng)	
5.2	Tổng thu	

A
 INC
 PHO
 AN
 O

5.3	Đã chi	
5.4	Dư	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
1	Nguồn ngân sách nhà nước	
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	
	Số dư kinh phí kỳ trước chuyển sang	4,490.37
	Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	
	+ Dự toán giao bổ sung trong năm	-
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	Kinh phí thực nhận trong năm	
	Kinh phí quyết toán	4,490.37
	Số dư kinh phí được chuyển sang kỳ sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	-
2.1	Ngân sách chi không thường xuyên	-
	Số dư kinh phí kỳ trước chuyển sang	400.00
	Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	-
	+ Dự toán giao bổ sung trong năm	-
	+ Kinh phí giảm trong năm	-
	Kinh phí thực nhận trong năm	
	Kinh phí quyết toán	400.00
	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	
	+ Kinh phí đã nhận	-
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	-

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2024

Kế toán

Ha

Nguyễn Thị Hải

Thủ trưởng đơn vị



Nguyen

Đỗ Thị Dung